

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-01-2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình

Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 384/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: tổ 8, ấp Phú Tr, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: ấp Phú B, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Bà Th và ông M yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Th và bị đơn ông Nguyễn Trọng M thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Thông qua mai mối, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên bà Th và ông M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng đã nhiều lần ly thân rồi hàn gắn chung sống lại với nhau, tuy nhiên đến năm 2006 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do anh Miễn thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn nên bà

Thanh bỏ đi, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, chính thức ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Th, ông M thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú V, sinh ngày 05/7/1997, đã trưởng thành tự lập được nên không yêu cầu Tòa án và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 20/3/2003, đang sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con; ông M thống nhất.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà Thanh yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ số tiền 400.000.000đ (là 200.000.000đ), là tài sản chung của vợ chồng do ông Miễn chuyển nhượng diện tích 3,5 công đất nông nghiệp cho người khác có được. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà Th, ông M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung; đồng thời, bà Th rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh Cần vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Bà Th và ông M tuy có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận ông bà là vợ chồng. Về con chung ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú V, sinh ngày 05/7/1997, đã trưởng thành tự lập được nên không yêu cầu Tòa án và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 20/3/2003, đang sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Miễn cấp dưỡng cho con, ông Miễn thống nhất; tại đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà rút lại yêu cầu này và bà Th, ông M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Trọng M và yêu cầu nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nên xác định quan hệ “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông M là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Phú Bình, xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Th, ông M (do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt) là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Sau khi tìm hiểu, bà Th và ông M chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét, do anh, chị chung sống không đăng ký kết hôn (điều này được Ủy ban nhân dân xã Phú An và Phú Thọ xác nhận từ năm 1994 đến nay ông M và bà Th chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận bà Th và ông M là vợ chồng.

Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú V, sinh ngày 05/7/1997, đã trưởng thành tự lập được nên không yêu cầu Tòa án và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 20/3/2003, đang sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Miễn cấp dưỡng cho con, ông M thống nhất.

Xét, Nguyễn Thị Diễm M cháu đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ và đương sự đã thật sự thỏa thuận về việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên giao cháu Nguyễn Thị Diễm M cho bà Thanh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà Thanh phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để ông M đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, bà Th không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà rút lại yêu cầu này, xét, việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có

Ghi nhận lời trình bày đương sự không nợ chung ai, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Th và ông M phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: bà Thanh phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Miễn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Ngọc Th và ông Nguyễn Trọng M là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 20/3/2003 cho bà Thanh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được; ông Miễn không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà Thanh phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để anh Phương đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Thanh.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai

thu số 0001563 ngày 09/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; còn lại 5.000.000đ hoàn trả lại cho bà Th theo biên lai thu số 0001566 ngày 09/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ông M không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú An và xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyền